



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng dữ liệu an toàn này chỉ dành cho HP sử dụng với các sản phẩm HP Chính hãng. Mọi hành vi sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này đều bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý do HP thực hiện. ***	
Mã định danh sản phẩm	CC585Series	
Các hình thức nhận dạng khác	Không có.	
Công dụng đề nghị	In phun	
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.	
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, District 1, Ho Chi Minh city, Ho Chi Minh (Sai Gon), Việt Nam	
Điện Thoại	+84437245550	
HP Inc. health effect line		
(Toll-free within US)	1-800-457-4209	
(Direct)	1-760-710-0048	
HP Inc. Customer Care Line		
(Toll-free within the US)	1-800-474-6836	
(Direct)	1-208-323-2551	
Email:	hpcustomer.inquiries@hp.com	

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Độc tích sinh sản (Khả năng sinh sản, thai nhi)	Loại 1B
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.	
Các thành phần của nhãn		



Từ cảnh báo	Nguy hiểm	
Công bố hiểm họa	Có thể gây hại cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi.	
Thông điệp đề phòng		
Phòng Ngừa	Đeo găng tay bảo vệ/quần áo bảo vệ/bảo vệ mắt. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp đề phòng cho an toàn. Xin được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.	
Ứng phó	NEU bị tiếp xúc hoặc lo ngại: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc.	
Bảo Quản	Bảo quản khóa chặt.	
Thải bỏ	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.	
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này. Các đường phơi nhiễm quá mức tiềm ẩn đối với sản phẩm này bao gồm tiếp xúc với da và mắt. Việc hít phải hơi và nuốt vào không được dự kiến là đường phơi nhiễm đáng kể cho sản phẩm này trong các điều kiện sử dụng bình thường. Cacbon đen được phân loại theo IARC là chất gây ung thư Nhóm 2B (chất có thể gây ung thư cho người). Cacbon đen trong chế phẩm này, do dạng thức liên kết, không có nguy cơ gây ung thư này.	
GHS Supplemental information	2-pyrrolidone: Giới hạn nồng độ cụ thể, Độc tính sinh sản Loại 1B, khả năng sinh sản hoặc thai nhi 3%.	

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Nhận xét cấu tạo

Nguồn cấp mực này chứa công thức mực có nước.

Cacbon đen chỉ xuất hiện ở dạng liên kết trong trình bày này. 2-pyrrolidone: Giới hạn nồng độ cụ thể 3%.

Các thành phần là không nguy hiểm và ở dưới mức công bố cần thiết.

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải

Đưa ra nơi không khí trong lành. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với da

Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với mắt

Không dụi mắt. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Ăn phải

Nếu xảy ra việc nuốt phải một lượng lớn, hãy tìm kiếm chăm sóc y tế ngay lập tức.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện

Không có.

5. Các biện pháp cứu hòa

Các chất chữa cháy phù hợp

Hóa chất khô, CO2, bình xịt nước hoặc bọt bình thường.

Chất chữa cháy không phù hợp

Chưa được biết.

Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

Chưa được biết.

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy

Không có.

Các biện pháp cụ thể

Chưa được xác định.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Không có.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Giữ xa tầm tay của trẻ em. Để cách xa nhiệt quá cao hoặc lạnh.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.

Các giá trị giới hạn sinh học

Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm

Vẫn chưa thiết lập giới hạn phơi nhiễm cho sản phẩm này.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Sử dụng tại khu vực thông khí tốt.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt

Không có.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

Không có.

Khác

Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu sự phơi nhiễm với da và mắt.

Bảo vệ đường hô hấp

Không có.

Các hiểm họa nhiệt

Không có.

9. Tính chất lý hóa**Ngoại Quan**

Trạng thái vật lý	Chất lỏng.
Dạng	Không có.
Màu	Đen.
Mùi	Không có.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có.
pH	Không có.
Điểm chảy/điểm đông	không xác định
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	không xác định
Nhiệt Độ Bốc Cháy	> 110.0 °C (> 230.0 °F) Pensky-Martens Closed Cup
Tốc độ bay hơi	Không có.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới hạn cháy - dưới (%)	không xác định
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ – dưới (%)	Không có.
Giới hạn nổ – trên (%)	Không có.
Áp suất hơi	không xác định
Tỷ khối hơi	Không có.
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Soluble in water
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có.
Nhiệt độ tự bốc cháy	không xác định
Nhiệt độ phân hủy	Không có.
Độ nhớt	Không có.
Thông tin khác	
Các tính chất oxy hóa	Không xác định
Phần trăm bay hơi	19 % Ước tính
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	< 306 g/l

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có.
Độ bền hóa học	Ổn định trong các điều kiện bảo quản khuyến nghị.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	Không có.
Các vật liệu tương kỵ	Không tương thích với các base mạnh và các chất ôxi hóa.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Khi phân hủy, sản phẩm này phát ra các oxyt thể khí của nitơ, cacbon monoxyt, cacbon dioxyt và/hoặc các hydrocacbon khối lượng phân tử thấp.

11. Thông tin về độc tính**Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra**

Hít phải	Sử dụng đúng mục đích trong các điều kiện bình thường, vật liệu này không được xem là gây nguy hiểm khi hít phải.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể dẫn đến kích ứng nhẹ.
Tiếp xúc với mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây nên kích ứng nhẹ.
Ăn phải	Chưa biết hoặc dự kiến là không gây tổn thương cho sức khỏe khi sử dụng bình thường.
Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Không có.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
Sản Phẩm	Loài	Kết quả thử nghiệm
Đen ink		
Ăn mòn/kích ứng da	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. Không được phân loại là chất gây kích ứng theo OECD 405.	
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da		
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
Gây mẫn cảm da	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. Âm tính, không cho thấy gây đột biến gen tiềm ẩn (Xét nghiệm Ames: Salmonella typhimurium)	
Khả năng gây ung thư	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. Cacbon đen được phân loại là chất gây ung thư bởi IARC (chất gây ung thư có thể cho con người, Nhóm 2B) và bởi Tiểu bang California trong Tuyên bố 65. Trong đánh giá về cacbon đen, cả hai tổ chức cho biết sự phơi nhiễm với cacbon đen, về bản chất, không xảy ra khi chất này vẫn được liên kết trong ma trận sản phẩm, đặc biệt là cao su, mực hoặc sơn. Cacbon đen chỉ xuất hiện ở dạng liên kết trong trình bày này. Không có thành phần nào trong số các thành phần khác trong chế phẩm này được phân loại là chất gây ung thư theo ACGIH, EU, IARC, MAK, NTP hoặc OSHA.	
Độc tích sinh sản	Có thể gây hại cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi. 2-Pyrrolidone: Thành phần này có ảnh hưởng đến sự phát triển chỉ khi dùng liều cao, có độc tính cho mẹ ở động vật thí nghiệm. Liều dùng nhỏ cho người dự kiến sẽ không gây độc hại cho quá trình phát triển.	
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
Hiểm họa hít phải	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
Thông tin khác	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này Tham khảo Mục 2 về tác động sức khỏe tiềm ẩn và Mục 4 về các biện pháp sơ cứu.	

12. Thông tin về sinh thái

Độc tố thủy sinh	Sản phẩm này vẫn chưa được thử nghiệm đối với các tác động sinh thái. Vật liệu này dự kiến gây hại cho môi trường thủy sinh.	
Độc tính sinh thái		
Sản Phẩm	Loài	Kết quả thử nghiệm
Đen ink		
Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có.	
Khả năng tích tụ sinh học	Không có.	
Di chuyển trong đất	Không có.	
Các tác dụng có hại khác	Không có.	

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh.	
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Không có.	
Bao bì bị ô nhiễm	Không có.	

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	
Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có.
Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không Được Quy Định

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm	Không có.
------	-----------

Nguy cơ phụ	-
-------------	---

Nhóm Đóng Gói	Không có.
---------------	-----------

Các hiểm họa cho môi trường

Chất Ô Nhiễm Biển	Không
-------------------	-------

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có.
--	-----------

IATA

UN number	Not available.
-----------	----------------

UN proper shipping name	Not Regulated
-------------------------	---------------

Transport hazard class(es)

Class	Not available.
-------	----------------

Subsidiary risk	-
-----------------	---

Packing group	Not available.
---------------	----------------

Environmental hazards	No
-----------------------	----

Special precautions for user	Not available.
------------------------------	----------------

IMDG

UN number	Not available.
-----------	----------------

UN proper shipping name	Not Regulated
-------------------------	---------------

Transport hazard class(es)

Class	Not available.
-------	----------------

Subsidiary risk	-
-----------------	---

Packing group	Not available.
---------------	----------------

Transport hazard class(es)

Marine pollutant	No
------------------	----

EmS	Not available.
-----	----------------

Special precautions for user	Not available.
------------------------------	----------------

ADR

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có.
----------------------------	-----------

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không Được Quy Định
--	---------------------

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm	Không có.
------	-----------

Nguy cơ phụ	-
-------------	---

Nhóm Hiểm Họa (ADR - Hiệp Ước Châu Âu Về Vận Chuyển Quốc Tế Hàng Hóa Nguy Hiểm Theo Đường Bộ)	Không có.
---	-----------

Mã hạn chế qua đường hầm	Không có.
--------------------------	-----------

Nhóm Đóng Gói	Không có.
---------------	-----------

Các hiểm họa cho môi trường	Không
-----------------------------	-------

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có.
--	-----------

Thông tin khác

Không phải là hàng hoá nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và quy tắc IBC: Không áp dụng.

15. Thông tin về quy định**Các quy định quốc gia****Các quy định quốc tế**

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	13-Tháng-Chín-2016
---------------	--------------------

Ngày sửa đổi	29-Tháng-Một-2020
--------------	-------------------

Phiên bản số	06
--------------	----

Khước Từ Trách Nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

Bảng dữ liệu an toàn này có mục đích truyền tải thông tin về mực in HP (mực bột toner) có trong vật tư mực in gốc HP (mực bột toner). Nếu Bảng dữ liệu an toàn của chúng tôi được cung cấp cho bạn cùng với vật tư được nạp lại, sản xuất lại, tương thích hoặc không phải chính gốc HP, vui lòng lưu ý rằng thông tin trong tài liệu này không có ý nghĩa truyền tải thông tin về những sản phẩm như vậy và có thể có sự khác biệt đáng kể với thông tin trong tài liệu này và thông tin an toàn cho sản phẩm bạn đã mua. Vui lòng liên hệ với người bán vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích để biết thông tin tương ứng, bao gồm thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân, các rủi ro phơi nhiễm và hướng dẫn xử lý an toàn. HP không chấp nhận vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích trong các chương trình tái chế của chúng tôi.

Thông tin về sửa đổi

Tài liệu này đã được thay đổi nhiều nên cần phải xem lại toàn bộ.

Explanation of abbreviations

Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
CAS	Chemical Abstracts Service
Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường (CERCLA)	Đạo luật về Đền bù và Trách nhiệm Phản ứng với Môi trường Toàn diện
CFR	Bộ luật các quy định của liên bang
COC	Cốc Hồ Cleveland
Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	Department of Transportation
EPCRA	Emergency Planning and Community Right-to-Know Act (aka SARA)
Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)	International Agency for Research on Cancer
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia
Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP)	National Toxicology Program
Cơ Quan Quản Lý Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (OSHA)	Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép.
RCRA	Resource Conservation and Recovery Act
REC	Recommended
REL	Recommended Exposure Limit
SARA	Superfund Amendments and Reauthorization Act of 1986
STEL	Short-Term Exposure Limit
Thủ tục xác định độc tính nước rác(TCLP)	Quy trình lọc tính chất độc tính
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Toxic Substances Control Act
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi